

QUYỂN 13

304. BA MƯƠI SÁU PHÁP¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thôn Điều Ngưu.²

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy nghe. Những pháp ấy phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch.³ Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Có ba mươi sáu pháp. Là ba mươi sáu pháp nào? Đó là sáu căn, sáu trần, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân và sáu ái thân.

Sáu căn là gì? Đó là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn. Sáu trần là gì? Đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Sáu thức thân là gì? Là nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân. Sáu xúc thân là gì? Đó là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc. Sáu thọ thân là gì? Đó là thọ do nhãn xúc sanh ra, thọ do nhĩ xúc sanh ra, thọ do tỷ xúc sanh ra, thọ do thiệt xúc sanh ra, thọ do thân xúc sanh ra và thọ do ý xúc sanh ra. Sáu ái thân là gì? Đó là ái do nhãn xúc sanh, ái do nhĩ xúc sanh, ái do tỷ xúc sanh, ái do thiệt xúc sanh, ái do thân xúc sanh và ái do ý xúc sanh.

Nếu có người cho rằng “mắt là ngã”,⁴ điều đó không đúng. Vì sao như vậy? Vì mắt có sanh có diệt. Nếu “mắt là ngã” thì cái “ngã” ấy phải chịu sanh tử. Cho nên, nếu nói rằng mắt là ngã, điều đó không đúng.

Cũng vậy, những pháp như sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ do nhãn xúc sanh ra, nếu chúng là “ngã”, điều đó không đúng. Vì sao như vậy? Vì thọ do nhãn xúc sanh ra là pháp sanh diệt. Nếu thọ do nhãn xúc sanh ra là “ngã” thì cái “ngã” ấy phải chịu sự sanh tử. Cho nên nói rằng thọ do nhãn xúc sanh ra là “ngã”, điều đó không đúng.

¹ Tựa đề đức Phật dạy trong kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.304. 0086c23). Tham chiếu từ *Tạp. 雜* (T.02. 0099.323. 0091c23) cho đến *Tạp. 雜* (T.02. 0099.327. 0092a13); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.330. 0092a28); *M. 148, Chachakka Sutta* (Kinh sáu sáu); *S. 35.60 - IV. 32.*

² Điều Ngưu tụ lạc (調牛聚落).

³ Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch (初中後善, 善義, 善味, 純一滿淨, 梵行清白). Xem chú thích 94, kinh số 53, quyển 2, tr. 55; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.53. 0012c04).

⁴ Nguyên tác: Nhãn thị ngã (眼是我, *cakkhu attāti*): Mắt là tự ngã.

Do đó, thọ do nhãn xúc sanh ra không phải là “ngã.” Cũng vậy, thọ do nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc sanh ra đều không phải là “ngã.” Vì sao như vậy? Vì thọ do ý xúc sanh ra là pháp sanh diệt, nếu thọ đó là “ngã” thì cái “ngã” ấy lại phải chịu sự sanh tử. Cho nên, thọ do ý xúc sanh ra là “ngã”, điều đó không đúng. Vậy nên, thọ do ý xúc sanh ra không phải là “ngã.”

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Cần phải biết đúng như thật về sự tác thành của mắt, sự tác thành của trí, sự tác thành của tịch diệt, khai mở thần thông, thăng đến Niết-bàn.

Thế nào là thấy biết đúng như thật về sự tác thành của mắt,... (cho đến) thăng đến Niết-bàn? Ở đây, này các Tỳ-kheo! Mắt chẳng phải là ngã. [Những pháp như] sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, tất cả chúng phải được quán sát chẳng phải là ngã. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng nói như vậy. Đó gọi là thấy biết đúng như thật về sự tác thành của mắt,... (cho đến) thăng đến Niết-bàn.

Đó gọi là *Kinh ba mươi sáu pháp*.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

305. SÁU PHÂN BIỆT VỀ SÁU NHẬP XÚ⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ ở thôn Điều Ngưu.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy nghe. Pháp ấy phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch,⁶ đó là *Kinh sáu phân biệt về sáu nhập xứ*. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy.

Thế nào là *Kinh sáu phân biệt về sáu nhập xứ*? Nghĩa là, đối với nhãn căn mà không thấy biết đúng như thật. Đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui đều không được thấy biết đúng như thật. Vì không thấy biết đúng như thật nên đắm nhiễm nơi mắt; đắm nhiễm nơi sắc, nơi nhãn thức, nơi nhãn xúc và nơi nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, hết thảy đều bị đắm

⁵ Tựa đề đức Phật dạy trong kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.305. 0087a27). Tham chiếu: M. 149, *Mahāsaṃyāsana Sutta* (Đại kinh sáu xứ).

⁶ Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch (初中後善, 善義, 善味, 純一滿淨, 梵行清白). Xem chú thích 94, kinh số 53, quyển 2, tr. 55; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.53. 0012c04).

nhiễm. Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý,... pháp, ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, hết thấy đều không được thấy biết đúng như thật, vì không thấy biết đúng như thật nên sanh ra đắm nhiễm.

Như vậy, do đắm nhiễm nên bị dính mắc,⁷ mê mờ, luyến tiếc, trói buộc tâm mình, nuôi lớn năm thủ uẩn và tham ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, [đi cùng với] hỷ và tham,⁸ thấy đều tăng trưởng, khiến cho thân tâm mệt mỏi, thân tâm bị thiêu đốt, thân tâm bị bốc cháy, thân tâm bị điên loạn, thân sanh ra cảm thọ khổ. Vì thân sanh ra cảm thọ khổ cho nên sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não trong tương lai thấy đều tăng trưởng, đó gọi là toàn bộ khối khổ lớn tập khởi.

Này các Tỳ-kheo! Nếu đối với mắt mà thấy biết đúng như thật; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui mà thấy biết đúng như thật; thấy đúng như thật rồi thì đối với mắt không bị đắm nhiễm; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui hết thấy đều không bị đắm nhiễm. Cũng vậy đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý pháp đều thấy biết đúng như thật. Đối với pháp, ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, hết thấy thấy biết đúng như thật. Do thấy biết đúng như thật nên đối với ý không bị đắm nhiễm; đối với pháp, ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong, hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, hết thấy đều không đắm nhiễm.

Vì không đắm nhiễm nên không bị dính mắc, không mê mờ, không luyến tiếc, không trói buộc khiến năm thủ uẩn bị tổn giảm và tham ái đưa đến đời sau, [đi cùng với] hỷ và tham rồi đắm trước chỗ này chỗ kia, thấy đều bị tiêu diệt, nên thân không mệt mỏi, tâm không mệt mỏi, thân không thiêu đốt, tâm không thiêu đốt, thân không bốc cháy, tâm không bốc cháy; ngược lại, thân cảm thấy an vui, tâm cảm thấy an vui. Vì thân tâm cảm thấy an vui cho nên sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não trong đời tương lai thấy đều tiêu diệt. Như vậy, toàn bộ khối khổ lớn này tiêu diệt.

Biết như vậy, thấy như vậy gọi là tu tập đầy đủ chánh kiến, cũng là tu tập thanh tịnh đầy đủ chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định và chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng đã nói ở trước. Đây gọi là tu tập thanh tịnh đầy đủ Thánh đạo tám chi. Tu tập đầy đủ Thánh đạo tám chi rồi thì cũng tu tập đầy đủ bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực và bảy Bồ-đề phần.

⁷ Nguyên tác: Tương ưng (相應). Theo *Hán dịch A-hàm kinh từ điển* (漢譯阿含經辭典), “tương ưng” mang nghĩa là bị trói buộc (被束縛).

⁸ Nguyên tác: Đương lai hữu ái tham hỷ (當來有愛貪喜). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.123. 0040b02): Đương lai hữu ái tham hỷ câu (當來有愛貪喜俱).

Nếu pháp nào nên biết rõ, nên thấu suốt thì phải biết rõ, phải thấu suốt. Nếu pháp nào nên biết rõ, nên đoạn trừ thì phải biết rõ, phải đoạn trừ. Nếu pháp nào nên biết rõ, nên tác chứng thì phải biết rõ, phải tác chứng. Nếu pháp nào nên biết rõ, nên tu tập thì phải tu tập cho xong.

Những pháp nào nên biết rõ, nên thấu suốt thì phải biết rõ, phải thấu suốt? Đó là danh và sắc.

Những pháp nào nên biết rõ, nên đoạn trừ? Đó là vô minh và hữu ái.

Những pháp nào nên biết rõ, nên tác chứng? Đó là minh và giải thoát.

Những pháp nào nên biết rõ, nên tu tập? Đó là pháp chỉ và pháp quán.

Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp nên biết rõ, nên thấu suốt thì vị ấy phải biết rõ, phải thấu suốt; đối với pháp nào nên biết rõ, nên đoạn trừ thì vị ấy phải biết rõ, phải đoạn trừ; đối với pháp nào nên biết rõ, nên tác chứng thì vị ấy phải biết rõ, phải tác chứng; đối với pháp nào nên biết rõ, nên tu tập thì vị ấy phải biết rõ, phải tu tập; đó gọi là vị Tỳ-kheo đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử, tỏ ngộ hoàn toàn,⁹ vượt thoát khổ đau.

Này các Tỳ-kheo, đây gọi là *Kinh sáu phân biệt về sáu nhập xứ*.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

306. ĐỀ ĐƯỢC THẤY PHÁP¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo sống nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, khởi lên ý niệm: “Tỳ-kheo nên biết như thế nào, thấy như thế nào để được thấy pháp?” Suy nghĩ như vậy rồi, Tỳ-kheo liền rời chỗ ngồi, đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên rồi bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn! Con sống một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, khởi ý niệm như vậy: “Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được thấy pháp?”

Khi ấy, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia rằng:

– Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho thầy được biết. Có hai pháp, là hai pháp nào? Đó là mắt và sắc... (*nói đầy đủ như vậy, cho đến*)¹¹ “không phải cảnh giới của họ.” Vì sao như vậy? Vì mắt duyên với sắc mà sanh

⁹ Nguyên tác: Chánh vô gián đẳng (正無間等). Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển 1, tr. 21; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.23. 0005a11).

¹⁰ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.306. 0087c18).

¹¹ Bản Hán tinh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 213; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.213. 0054a01).

ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra thọ, tưởng. Bốn uẩn vô sắc này cùng với mắt và sắc, những pháp này được gọi là con người. Do những pháp này mà tác thành nên tướng về con người, chúng sanh, na-la, ma-nậu-xà, ma-na-bà, sĩ phu, phước-già-la, kỳ-bà, thiên-đầu.¹²

Lại nói như vậy: “Mắt tôi thấy sắc, tai tôi nghe tiếng, mũi tôi ngửi mùi, lưỡi tôi nếm vị, thân tôi chạm biết, ý tôi phân biệt pháp.” Vị ấy giả lập và nói rằng: “Vị Tôn giả này tên như vậy, sanh ra như vậy, có họ như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, trường thọ như vậy, ở lâu như vậy, thọ mạng giới hạn như vậy.”

Này Tỳ-kheo! Những ý niệm trên thuộc về tướng, thuộc về ghi nhớ, thuộc về ngôn thuyết. Các pháp này thấy đều vô thường, hữu vi, do suy nghĩ, mong cầu sanh ra. Nếu các pháp là vô thường, hữu vi, do suy nghĩ, mong cầu sanh ra thì đó là khổ. Lại nữa, pháp ấy sanh cũng khổ, trụ cũng khổ, diệt cũng khổ, tái sanh nhiều lần cũng khổ, hết thấy đều khổ. Nếu khổ ấy đoạn trừ hết không sót lại gì, loại bỏ hết, dứt sạch, lìa dục, tịch diệt, tịch tĩnh và ngưng nghỉ,¹³ các khổ khác không còn tiếp nối, không còn phát sanh nữa thì đó là tịch diệt, đó là thắng diệu. Nghĩa là xả bỏ tất cả hữu dư, dứt sạch mọi ái dục, được vô dục, diệt tận, Niết-bàn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân duyên với xúc mà sanh ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Bốn uẩn vô sắc này cùng với thân căn là sắc âm, những pháp này gọi là con người,... (*chi tiết như đoạn trên đã nói, cho đến*) diệt tận, Niết-bàn. Ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Bốn uẩn vô sắc này và bốn đại là sở y của con người,¹⁴ những pháp này gọi là con người,... (*chi tiết như đoạn trên đã nói, cho đến*) diệt tận, Niết-bàn.

Nếu những ai đối với các pháp này, tâm tùy theo đó mà thể nhập, an trú, giải thoát, không thoái chuyển thì đối với vị ấy, những chấp trước khởi lên đều không có ngã.

Này Tỳ-kheo! Biết như vậy, thấy như vậy, gọi là thấy pháp.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

307. BẠC THẤY PHÁP¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

¹² Nguyên tác: 人想, 眾生, 那羅, 摩菟闍, 摩那婆, 士夫, 福伽羅, 耆婆, 禪頭. Những danh từ này chỉ cho tự ngã trong những bối cảnh cụ thể.

¹³ Nguyên tác: Tận, vô dục, diệt, tức, một (盡, 無欲, 滅, 息, 沒). Tham chiếu: *Phân biệt lục giới kinh* 分別六界經 (T.01. 0026.162. 0692a18): Tận, vô dục, diệt, tức, chi (盡, 無欲, 滅, 息, 止).

¹⁴ Nguyên tác: Sĩ phu (士夫), chỉ cho con người.

¹⁵ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.307. 0088a21).

Bây giờ, có vị Tỳ-kheo sống một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, khởi ý niệm như vậy: “Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được gọi là thấy pháp?” Tư duy như vậy rồi, vị ấy xả thiền, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn! Con sống một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, khởi ý niệm như vậy: “Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được gọi là thấy pháp?” Nay con kính hỏi Thế Tôn, cúi mong Ngài giải thích cho!

Đức Phật bảo:

– Này Tỳ-kheo! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho thầy. Có hai pháp, đó là mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức (*như kinh trên đã nói*).¹⁶

Tôn giả ấy sau khi nghe Thế Tôn dạy bèn nói kệ:

Mắt, sắc hai thứ duyên,	Sanh tâm và tâm pháp,
Thức và xúc đều sanh,	Thọ, tưởng nhân đó khởi.
Đều chẳng ngã, ngã sở,	Cũng không phước-già-la,
Chẳng phải ma-nậu-xà,	Chẳng phải ma-na-bà.
Đó chính là sanh diệt,	Khổ ảm, pháp biến đổi,
Duyên đây mà khởi tưởng,	Lập bày có chúng sanh.
Na-la, ma-nậu-xà,	Cùng với ma-na-bà,
Và tưởng nhiều loài khác,	Đều do khổ ảm sanh.
Các nghiệp ái, vô minh,	Tích tụ ảm đời khác,
Các Sa-môn ngoại đạo,	Luận khác về hai pháp,
Chỉ là lời nói suông,	Nghe xong thêm mê loạn.
Tham ái dứt không còn,	Vô minh diệt vĩnh viễn,
Ái sạch, các khổ dứt,	Vô thượng, Phật nói rõ.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

308. KHÔNG ĐẮM NHIỄM¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bây giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Chư thiên và loài người đều đắm nhiễm, yêu thích, dính mắc nơi sắc. Nếu sắc ấy vô thường, biến đổi, diệt mất thì chư thiên và loài người kia sẽ sống rất đau khổ. Họ cũng đắm nhiễm, yêu thích, dính mắc nơi thanh, hương, vị, xúc,

¹⁶ Bản Hán tinh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 306; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.306. 0087c18).

¹⁷ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.308. 0088b15). Tham chiếu: S. 35.136 - IV. 126.

pháp. Nếu các pháp ấy biến đổi, vô thường, diệt mất thì chư thiên và loài người kia cũng sống rất đau khổ.

Đối với sắc, sự tập khởi của sắc, sự hoại diệt của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự thoát ly của sắc, Như Lai biết đúng như thật. Vì đã biết đúng như thật nên đối với sắc, Như Lai không đắm nhiễm, không yêu thích, không dính mắc. Sắc ấy dầu là vô thường, biến đổi, hoại diệt thì Như Lai vẫn luôn sống trong an lạc. Đối với sự hiện hữu, sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại, thoát ly của thanh, hương, vị, xúc, pháp, Như Lai đã biết đúng như thật. Khi đã biết đúng như thật rồi nên Như Lai không đắm nhiễm, không yêu thích, không dính mắc. Cho dù sắc này là vô thường, biến đổi, hoại diệt đi nữa thì Như Lai vẫn sống an lạc. Vì sao như vậy? Vì mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra cảm thọ, gồm cảm thọ khổ, cảm thọ vui và cảm thọ không khổ không vui. Đối với sự tập khởi của thọ, sự hoại diệt của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự thoát ly thọ này cũng phải biết đúng như thật. Sắc ấy là nhân duyên sanh ra sự chướng ngại. Khi sự chướng ngại đã không còn gọi là Niết-bàn an ổn tối thượng. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra cảm thọ, gồm cảm thọ khổ, cảm thọ vui và cảm thọ không khổ không vui. Đối với sự tập khởi của thọ, sự hoại diệt của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự thoát ly thọ này cũng phải biết đúng như thật. Pháp ấy là nhân duyên sanh ra sự chướng ngại. Khi sự chướng ngại đã diệt rồi gọi là Niết-bàn an ổn tối thượng.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Nơi sắc, thanh, hương, vị,	Xúc, pháp, sáu cảnh giới,
Xưa nay sanh vui thích,	Ái nhiễm vui đắm sâu.
Chư thiên và loài người,	Nương vào đó làm vui,
Khi biến đổi, diệt mất,	Họ sanh ra khổ sầu.
Chỉ có bậc Hiền thánh,	Thấy diệt ấy là vui,
Niềm vui của thế gian,	Quán sát đều bi ai.
Điều Hiền thánh thấy khổ,	Thế gian cho là vui,
Sự khổ của thế gian,	Đối với Thánh là vui.
Pháp sâu xa khó hiểu,	Thế gian sanh nghi hoặc,
Chìm đắm trong tối tăm,	Mờ mịt chẳng thấy gì.
Chỉ có người trí tuệ,	Mở ra nguồn sáng lớn,
Lời sâu xa như thế,	Phàm phu sao hiểu được,
Không còn thọ thân sau,	Mới hiểu rõ nghĩa màu.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

309. SỐNG CHUNG VÀ SỐNG MỘT MÌNH¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ bên hồ Yết-già,¹⁹ thuộc nước Chiêm-bà.

Bấy giờ, Tôn giả Lộc-nữ²⁰ đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

– Kính bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói có hai hạng người, hạng người sống cùng với người thứ hai và hạng người sống một mình.²¹ Vậy thế nào là người sống cùng với người thứ hai và thế nào là người sống một mình?

Phật bảo Lộc-nữ:

– Lành thay! Lành thay! Này Lộc-nữ! Thầy có thể hỏi Như Lai nghĩa này.

Rồi Phật dạy:

– Nếu mắt nhận biết sắc đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý, nuôi lớn tham dục; Tỳ-kheo kia thấy rồi liền vui mừng, khen ngợi, sống trong trói buộc; khi đã vui mừng, khen ngợi và sống trong trói buộc rồi thì tâm vị ấy trở nên vui thích; do vui thích nên yêu mến; do yêu mến nên tham ái; do tham ái nên bị chướng ngại. Người sống với vui thích, yêu mến, tham ái và chướng ngại, đó gọi là sống chung với người thứ hai. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

Này Lộc-nữ! Tương tự như vậy, nếu Tỳ-kheo nào tuy sống một mình ở nơi thanh vắng nhưng cũng được gọi là sống chung với người thứ hai. Vì sao như vậy? Vì không đoạn trừ, không dứt bỏ ái hỷ. Người không đoạn trừ, không biết rõ đối với ái dục, thế nên chư Phật, Như Lai gọi là sống chung với người thứ hai.

Nếu có Tỳ-kheo nào [đối với sắc] đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý, nuôi lớn tham dục; Tỳ-kheo kia thấy rồi nhưng không sanh tâm vui mừng, không khen ngợi, không sống trong trói buộc; do không vui mừng, không khen ngợi, không sống trong trói buộc nên không vui thích; do không vui thích nên không yêu mến; do không yêu mến nên không tham ái; do không tham ái nên không bị chướng ngại. Người sống mà không vui thích, không yêu mến, không tham ái, không chướng ngại, đó gọi là sống một mình. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng nói như vậy.

Này Lộc-nữ! Tương tự như vậy, nếu Tỳ-kheo nào tuy sống trong lầu cao nhà rộng nhưng cũng giống như người đang sống một mình. Vì sao như vậy?

¹⁸ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.309. 0088c18). Tham chiếu: S. 35.62 - IV. 35.

¹⁹ Yết-già trì (揭伽池, Gaggarā Pokkharāṇī), tên hồ sen rất đẹp ở nước Chiêm-bà (瞻婆, Campā). Hồ sen này do Hoàng hậu Gaggarā xây dựng nên được gọi theo tên của bà.

²⁰ Lộc-nữ (鹿紐, Migajāla).

²¹ Hữu đệ nhị trụ (有第二住) còn được gọi “hữu bạn đồng trụ” (有伴同住, *sadutiyaivihārī*), là sống với người bạn đồng học. Nhất nhất trú (一一住, *ekavihārī*): Người sống một mình.

Vì vị ấy đã dứt sạch tham ái, đã biết rõ. Người đã dứt sạch tham ái và đã biết rõ, chư Phật, Như Lai gọi là người sống một mình.

Bấy giờ, sau khi nghe đức Phật dạy xong, Tôn giả Lộc-nữ hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ rồi ra về.

310. LỘC-NỮ ĐẮC PHÁP²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật an trú bên bờ hồ Yết-già, tại nước Chiêm-bà.

Khi ấy, Tôn giả Lộc-nữ đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch Phật:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Kính xin Ngài thuyết pháp cho con. Khi nghe pháp xong, con sẽ sống một mình nơi yên vắng, tinh chuyên thiền định, sống không buông lung,... (*cho đến*) tự biết không còn tái sanh.

Phật bảo:

– Lành thay! Lành thay! Này Lộc-nữ! Thầy có thể hỏi Như Lai nghĩa như thế. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì thầy mà giảng nói.

Rồi Phật dạy:

– Nếu mắt thấy sắc đáng yêu, đáng thích, vừa ý, đáng nhớ, nuôi lớn tham dục; khi đã thấy rồi thì vị ấy liền vui thích, khen ngợi, dính mắc; khi đã vui thích, khen ngợi, dính mắc rồi thì vui mừng tập khởi; khi vui mừng đã tập khởi thì khổ đau tập khởi. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

Này Lộc-nữ! Nếu có Tỳ-kheo nào mà mắt thấy sắc đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý, nuôi lớn tham dục; khi đã thấy rồi thì vị ấy không vui thích, không khen ngợi, không dính mắc. Vì không vui thích, không khen ngợi, không dính mắc nên vui mừng không tập khởi. Vì vui mừng không tập khởi nên khổ đau dứt sạch. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp cũng nói như vậy.

Sau khi nghe Phật dạy xong, Tôn giả Lộc-nữ hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ Phật rồi ra về.

Bấy giờ, Tôn giả Lộc-nữ nghe Phật thuyết pháp, giáo giới xong, liền sống một mình ở nơi thanh vắng, tinh chuyên thiền định, sống không buông lung,... (*cho đến*) chứng đắc quả A-la-hán, được tâm giải thoát hoàn toàn.²³

²² Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.310. 0089a12). Tham chiếu: S. 35.64 - IV. 37.

²³ Nguyên tác: Thiện giải thoát (善解脫, *suvimutta*). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển 1, tr. 19; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.22. 0004c20).

311. TÔN GIẢ PHÚ-LÂU-NA²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Phú-lâu-na²⁵ đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và bạch Phật:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin hãy vì con mà thuyết pháp, khi nghe pháp xong, con sẽ ở một mình nơi thanh vắng, tinh chuyên thiền định, sống không buông lung,... (*cho đến*) tự biết không còn tái sanh.

Phật bảo Phú-lâu-na:

– Lành thay! Lành thay! Thầy có thể hỏi Như Lai về nghĩa này, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì thầy mà giảng nói.

Nếu Tỳ-kheo nào mà mắt thấy sắc đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý, nuôi lớn tham dục; khi thấy rồi, vị ấy thích thú, khen ngợi, dính mắc; do thích thú, khen ngợi, dính mắc nên hoan hỷ; do hoan hỷ rồi sanh đắm nhiễm; do đắm nhiễm rồi sanh tham ái; do tham ái nên bị chướng ngại. Vì có hoan hỷ, đắm nhiễm, tham ái, chướng ngại nên cách xa với Niết-bàn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

Này Phú-lâu-na! Nếu Tỳ-kheo nào mà mắt thấy sắc đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý, nuôi lớn tham dục; thấy rồi nhưng không khởi tâm ưa thích, không khen ngợi, không dính mắc. Vì không ưa thích, không khen ngợi, không dính mắc nên không hoan hỷ; vì không hoan hỷ nên không đắm nhiễm; vì không đắm nhiễm nên không tham ái; do không tham ái nên không có chướng ngại. Vì không hoan hỷ, không đắm nhiễm, không tham ái, không chướng ngại nên vị ấy đến gần với Niết-bàn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

Phật bảo Phú-lâu-na:

– Ta đã nói vắn tắt về giáo pháp, vậy thầy muốn an trú ở đâu?

Phú-lâu-na bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn! Con đã nghe Thế Tôn nói vắn tắt về giáo pháp, nay con muốn du hành trong nhân gian về phía Tây xứ Du-lô-na!²⁶

²⁴ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.311. 0089b01). Tham chiếu: *Mãn Nguyên tử kinh* 滿願子經 (T.02. 0108. 0502c05); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da được sự* 根本說一切有部毘奈耶藥事 (T.24. 1448.3. 0010a13); *M. 145, Puṇṇovāda Sutta* (Kinh giáo giới Phú-lâu-na); S. 35.88 - IV. 60.

²⁵ Phú-lâu-na (富樓那, Puṇṇa), Hán dịch là Mãn Từ Tử (滿慈子), Mãn Chúc Tử (滿祝子), Mãn Nguyên Tử (滿願子). Mãn (滿) là tên của ngài, Từ (慈) là họ mẹ, vì lấy họ mẹ nên gọi là Mãn Từ Tử.

²⁶ Nguyên tác: Tây phương Du-lư-na (西方輸盧那, Sunāparanta). Theo *DPPN*, đây là quê hương của Tôn giả Phú-lâu-na (Puṇṇa Thera).

Phật bảo Phú-lâu-na:

– Như Ta được biết, người ở phía Tây xứ Du-lô-na tánh tình hung hăng, nóng nảy, lỗ mãng, ưa thích mắng chửi. Phú-lâu-na, nếu gặp phải sự hung ác, nóng nảy, thô bạo, mắng chửi, hủy nhục của họ thì thầy phải làm sao?

Phú-lâu-na bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn! Người dân ở phía Tây xứ Du-lô-na nếu họ nói những lời hung ác, mắng chửi, hủy nhục trước mặt con thì ngay lúc đó con nghĩ rằng: “Người dân ở phía Tây xứ Du-lô-na hiền thiện, có trí tuệ; tuy họ tỏ vẻ hung ác, mắng chửi hay hủy nhục trước mặt ta, nhưng họ vẫn chưa dùng tay đánh đập hoặc ném đá ta.”

Phật bảo Phú-lâu-na:

– Người dân ở phía Tây xứ Du-lô-na nếu hung dữ, nóng nảy, lỗ mãng, mắng chửi thầy thì còn có thể tránh được; nhưng nếu họ dùng tay đánh đập hoặc ném đá hại thầy thì thầy phải làm sao?

Phú-lâu-na bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn! Người dân phía Tây xứ Du-lô-na nếu họ có dùng tay đánh đập hoặc ném đá con thì ngay lúc đó con cũng nghĩ rằng: “Dân Du-lô-na vẫn lương thiện, có trí tuệ; tuy họ dùng tay đánh đập hay ném đá ta, nhưng chưa đến nỗi dùng dao, gậy để hại ta.”

Phật bảo Phú-lâu-na:

– Nếu họ dùng dao, gậy để hại thầy thì thầy phải làm sao?

Phú-lâu-na bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn! Người xứ Du-lô-na nếu dùng dao, gậy để hại con thì ngay lúc đó con khởi niệm: “Dân xứ Du-lô-na kia vẫn hiền thiện, có trí tuệ; tuy họ dùng dao, gậy hại ta nhưng chưa giết ta.”

Phật bảo Phú-lâu-na:

– Giả sử họ giết thầy thì thầy phải làm sao?

Phú-lâu-na bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn! Người dân Du-lô-na nếu có giết con thì ngay lúc đó con nghĩ rằng: “Có nhiều vị đệ tử của Thế Tôn nhằm chán thân này, có người dùng dao tự sát, có người uống thuốc độc, có người dùng dây thắt cổ, có người lao mình xuống hố sâu. Người dân Du-lô-na kia vẫn còn lương thiện, có trí tuệ, vì đối với thân hư mục này của ta, họ chỉ tạo chút phương tiện, giúp ta sớm được giải thoát.”

Phật bảo:

– Lành thay, Phú-lâu-na! Thầy khéo học hạnh nhẫn nhục. Nay thầy có thể an trú ở xứ Du-lô-na để giáo hóa. Thầy nên đi ngay, hãy hóa độ cho những người chưa được độ thì khiến cho họ được độ, người chưa an thì khiến cho họ được an, người chưa chứng Niết-bàn thì hãy khiến họ được Niết-bàn.

Sau khi nghe lời Phật dạy, Tôn giả Phú-lâu-na hoan hỷ và tùy hỷ, kính lễ Phật rồi rời đi.

Bấy giờ, khi đêm đã qua, trời vừa rạng sáng, Tôn giả Phú-lâu-na đáp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Thọ thực xong, Tôn giả quay trở về trụ xứ, gửi gắm ngọa cụ rồi đáp y, mang y bát du hành trong nhân gian đến xứ Du-lô-na. Đến nơi, Tôn giả an cư mùa mưa²⁷ tại đó và thuyết pháp độ được năm trăm ưu-bà-tắc, xây dựng năm trăm Tăng-già-lam và cúng dường chư Tăng các thứ vật dụng như giường nằm, chăn mền thầy đều đầy đủ. Sau khi mãn hạ, Tôn giả chứng được Tam minh rồi nhập Vô dư Niết-bàn tại nơi đó.

312. TUỔI GIÀ HỌC ĐẠO²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Ma-la-ca-cửu²⁹ đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch rằng:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Kính xin Ngài hãy thuyết pháp cho con, khi nghe pháp xong, con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, tinh chuyên thiền định, sống không buông lung... (*cho đến*) tự biết không còn tái sanh.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Ma-la-ca-cửu rằng:

– Những thanh niên trẻ tuổi thông minh lanh lợi, xuất gia chưa bao lâu, đối với giáo pháp của Như Lai còn không biếng nhác, huống gì thầy tuổi tác đã cao, các căn suy yếu mà lại muốn nghe Như Lai chỉ dạy vắn tắt.

Ma-la-ca-cửu bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn! Mặc dù tuổi tác đã cao, các căn đã yếu, nhưng con vẫn muốn được nghe Thế Tôn chỉ dạy vắn tắt. Kính xin Thế Tôn chỉ dạy vắn tắt cho con, khi nghe pháp xong con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, tinh chuyên thiền định, sống không buông lung,... (*cho đến*) tự biết mình không còn tái sanh.

Ma-la-ca-cửu thỉnh cầu như vậy lần thứ hai, rồi lần thứ ba.

Phật nói với Ma-la-ca-cửu:

– Thầy hãy thôi đi!

²⁷ Nguyên tác: Hạ an cư (夏安居). Mùa mưa ở Ấn Độ thường kéo dài khoảng hơn 3 tháng, trong khoảng thời gian đó, Phật dạy hàng xuất gia phải ở yên một chỗ, chuyên tâm tu tập, gọi là “an cư.” Việc an cư trong mùa mưa (雨安居, *vassāna*) cũng là mùa hạ nên được dịch là “an cư mùa hạ” (夏安居). Nhằm phản ánh đúng nguồn gốc của vấn đề nên chúng tôi dịch là “an cư mùa mưa.”

²⁸ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 雜 (T.02. 0099.312. 0089c24). Tham chiếu: S. 35.92 - IV. 72.

²⁹ Ma-la-ca-cửu (摩羅迦舅, *Mālunkyāputta*).

Thế Tôn cũng ba lần từ chối như vậy, không vì thầy ấy mà thuyết pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Ma-la-ca-cửu:

– Nay Ta hỏi thầy, thầy hãy tùy ý mà trả lời.

Phật hỏi:

– Nếu mắt chưa từng thấy sắc, ông sẽ muốn thấy. Đối với sắc ấy, ông có khởi tâm tham muốn, ưa thích, nhớ nghĩ và nhiễm trước chăng?

Ma-la-ca-cửu đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

Đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, đức Phật cũng hỏi như vậy.

Phật bảo Ma-la-ca-cửu:

– Lành thay! Lành thay! Nay Ma-la-ca-cửu! Đối với cái thấy thì hãy dùng cái thấy để hạn lượng,³⁰ với cái nghe thì dùng cái nghe để hạn lượng, với cảm thọ³¹ thì dùng cảm thọ để hạn lượng, với thức tri thì lấy thức tri để hạn lượng.

Rồi đức Phật nói kệ:

Nếu ông chẳng phải kia,	Kia cũng chẳng phải đây,
Cũng chẳng ở khoảng giữa,	Là vượt thoát khổ đau. ³²

Ma-la-ca-cửu bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu. Thưa Thiện Thệ! Con đã rõ.

Phật bảo Ma-la-ca-cửu:

– Ông hiểu thế nào đối với nghĩa lý rộng sâu trong giáo pháp mà Như Lai đã lược nói?

Bấy giờ, Ma-la-ca-cửu dùng kệ thưa Phật:

Nếu khi mắt thấy sắc,	Mà đánh mất chánh niệm,
Thì với sắc được thấy,	Sẽ chấp tướng yêu thích.
Người chấp tướng yêu thích,	Tâm thường bị dính mắc,
Khởi sanh các ái nhiễm,	Vô lượng sắc cùng sanh.
Tham dục, sân, hại, thọ,	Khiến tâm kia thoái lui,
Tăng trưởng thêm các khổ,	Xa lìa chốn Niết-bàn.
Thấy sắc, không chấp tướng,	Giữ tâm trụ chánh niệm,
Không nhiễm ái, ác tâm,	Cũng không sanh chấp trước.
Không khởi nơi các ái,	Vô lượng sắc cùng sanh,
Tham dục, khuê, hại, thọ,	Chẳng thể hoại tâm kia.

³⁰ Nguyên tác: Kiến dĩ kiến vi lượng (見以見為量): Với cái thấy thì chỉ nên giới hạn trong cái thấy đó. Tham chiếu: S. 35.95 - IV. 72: *Diṭṭhe diṭṭhamattam bhavissati* (với cái thấy chỉ là cái thấy).

³¹ Nguyên tác: Giác (覺).

³² Tham chiếu: S. 35.95 - IV. 72: Nay Mālukyaputta, ông không có vì cái ấy, nên ông không có: “Ở nơi đây.” Do vì, nay Mālukyaputta, ông không có: “Ở nơi đây”, do vậy, nay Mālukyaputta, ông sẽ không có đời này, đời sau và giữa hai đời ấy. Đây là sự chấm dứt khổ đau (HT. Thích Minh Châu dịch).

Giảm nuôi lớn các khổ,	Dần tiến đến Niết-bàn,
Đấng Nhật Chứng ³³ đã nói,	Lìa ái được Niết-bàn.
Nếu tai nghe các tiếng,	Tâm đánh mất chánh niệm,
Chấp vào tướng âm thanh,	Giữ chặt không xả bỏ.
Mũi hương, lưỡi nếm vị,	Thân xúc, ý niệm pháp,
Mà quên mất chánh niệm,	Chấp tướng cũng như thế.
Tâm kia sanh yêu thích,	Mê đắm trụ vững chắc,
Khởi các loại tham ái,	Vô lượng tập cùng sanh.
Tham dục, sân, hại, thọ,	Hại tâm kia thoái thất,
Nuôi lớn các khổ uẩn,	Mãi rời xa Niết-bàn.
Không nhiệm nơi các pháp,	Trụ chánh niệm, tỉnh giác,
Tâm ấy chẳng nhiệm ô,	Và cũng không đắm trước.
Không khởi nơi các ái,	Vô lượng tập cùng sanh,
Tham, sân khuê, hại, thọ,	Tâm kia không thoái thất.
Thì các khổ giảm dần,	Đến gần Bát-niết-bàn,
Ái sạch, được Niết-bàn,	Lời Thế Tôn đã nói.

Đó chính là nghĩa lý được hiểu rõ ràng trong giáo pháp mà Thế Tôn đã lược nói.

Đức Phật nói với Ma-la-ca-cửu:

– Đối với giáo pháp Như Lai lược nói, nay ông đã hiểu rõ ràng nghĩa lý. Vì sao như vậy? Vì đúng như bài kệ mà ông đã nói:

Nếu khi mắt thấy sắc,	Mà đánh mất chánh niệm,
Thì với sắc được thấy,	Sẽ chấp tướng yêu thích.

(Nói đầy đủ như trên).

Bấy giờ, Tôn giả Ma-la-ca-cửu nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ Phật rồi rời đi.

Sau khi Tôn giả Ma-la-ca-cửu giải rộng nghĩa lý trong giáo pháp mà Thế Tôn lược nói, thầy ấy một mình ở nơi thanh vắng, tinh chuyên thiền định, sống không buông lung,... (cho đến) chứng quả A-la-hán, tâm được giải thoát.

313. NHẬN ĐỊNH VỀ KINH PHÁP³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

³³ Nguyên tác: Nhật Chứng (日種): Dòng Họ Mặt Trời, chỉ cho đức Phật Thích-ca. Tham chiếu: Sn. v. 425: *Ādiccā nāma gottena, sākīyā nāma jātiyā* (Dòng họ thuộc Mặt Trời, sanh tộc là Thích-ca), HT. Thích Minh Châu dịch.

³⁴ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tap. 雜 (T.02. 0099.313. 0090b27). Tham chiếu: S. 35.152 - IV. 138.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có những kinh pháp được các Tỳ-kheo ngưỡng vọng, tôn sùng; thế nhưng đối với kinh pháp thì ngoài lòng tin, ngoài ước muốn, ngoài lắng nghe, ngoài thâm sát tư duy, ngoài trầm tư để tiếp nhận sự thật,³⁵ thì phải bằng sự hiểu biết chân chánh mà tuyên bố: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.”³⁶

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành...

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng cho các thầy. Nay các Tỳ-kheo! Khi mắt thấy sắc nhận biết là sắc, nhưng không khởi tưởng³⁷ tham đối với sắc. Vị ấy biết như thật rằng: “Ta trước kia có tham đối với sắc được nhận biết bởi mắt, nhưng nay không có tham đối với sắc được nhận biết bởi mắt nữa!” Nếu Tỳ-kheo nào khi mắt thấy sắc nhận biết là sắc mà không khởi tâm tham luyện sắc; vị ấy biết như thật rằng: “Trước đây, ta có tham luyện sắc được nhận biết bởi mắt, nhưng nay đã tuyên bố rằng không còn tham luyện đối với sắc được nhận biết bởi mắt nữa.” Nay các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? Vị ấy đối với giáo pháp có niềm tin, có ước muốn, có sự lắng nghe, có thâm sát tư duy, có trầm tư để tiếp nhận sự thật chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thưa có, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn hỏi:

– Vị ấy trở về với giáo pháp ấy và có biết như thật bằng chánh trí về những điều mình biết, mình thấy chăng?

Đáp:

– Thưa có, bạch Thế Tôn!

Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý thì cách thức thực hành cũng nói như vậy.

– Nay các Tỳ-kheo! Đó gọi là có kinh pháp mà các Tỳ-kheo tôn kính hướng thượng, thế nhưng đối với kinh pháp, ngoài lòng tin, ngoài ước muốn, ngoài sự

³⁵ Nguyên tác: Dị tín, dị dục, dị văn, dị hành tư duy, dị kiến thâm đề nhãn (異信, 異欲, 異聞, 異行思惟, 異見審諦忍). Xem *Tạp. 雜* (T.02. 0099.351. 0098c04): Dị tín, dị dục, dị văn, dị hành giác tướng, dị kiến phiên đề nhãn (異信, 異欲, 異聞, 異行覺想, 異見審諦忍). *Ni-kiền kinh* 尼乾經 (T.01. 0026.19. 0443c12): Tín, nhạo, văn, niệm, kiến thiện quán (信, 樂, 聞, 念, 見善觀), nghĩa là lòng thành tín, sự ưa thích, nghe theo truyền thống, biết suy tư, thâm sát để tiếp thọ.

³⁶ Tham chiếu: S. 35.152 - IV. 138: Có pháp môn nào, do pháp môn ấy, Tỳ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp (*ākāra-parivittakka*), ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận (*dīṭṭhinijjānakhaṇṭi*), có thể xác chứng chánh trí; vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã được thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa?” (HT. Thích Minh Châu dịch).

³⁷ Nguyên tác: Giác (覺), chỉ cho giác tưởng (*vitakka*).

lắng nghe, ngoài sự thâm sát tư duy, ngoài trầm tư để tiếp nhận sự thật, thì phải bằng sự hiểu biết chân chánh mà tuyên bố: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.”

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

314. ĐOẠN DỤC³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy cần phải đoạn dục. Sau khi đoạn dứt mọi tham dục nơi mắt thì mắt cũng được đoạn sạch, được rõ biết, cắt đứt tận gốc rễ chúng, như chặt ngọn cây đa-la, vĩnh viễn không còn tái sanh ở đời vị lai nữa. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

315. CHUYỂN BIẾN SANH DIỆT³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay các Tỳ-kheo! Nếu nơi mắt có sanh khởi, tồn tại, biến đổi⁴⁰ thì khổ sanh khởi, bệnh tồn tại, già chết hiện ra. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

Nếu nơi mắt đã tịch lặng, chấm dứt, ngưng nghỉ thì khổ đã sanh cũng diệt, bệnh cũng chấm dứt, già chết cũng ngưng nghỉ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

³⁸ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.314. 0090c19).

³⁹ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.315. 0090c25). Tham chiếu: S. 26.1 - III. 228.

⁴⁰ Sanh, trụ, chuyển xuất (生, 住, 轉出 hay 生起, 存續, 生出, 顯現).

316. SÁU CĂN VÔ THƯỜNG (2)⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Mắt là vô thường. Nếu mắt là thường thì không phải chịu đựng sự khô bức bách và đối với mắt cũng có thể nói: “Ta muốn nó như thế này, không nên như thế kia.” Nhưng vì mắt là vô thường cho nên nơi mắt phải chịu sự khô bức bách, và đối với mắt không thể muốn nó như thế này, không muốn nó như thế kia. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

317. SÁU CĂN LÀ KHỔ⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Mắt là khổ. Nếu mắt là vui thì đáng lý không phải chịu khổ bức bách và đối với mắt, ta có thể muốn nó như thế này, không nên như thế kia. Nhưng vì mắt là khổ nên phải chịu khổ bức bách và đối với mắt, ta không thể muốn nó như thế này, không nên như thế kia. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

318. SÁU CĂN VÔ NGÃ⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Mắt chẳng phải ngã. Nếu mắt là ngã thì đáng lý không phải chịu khổ bức bách và đối với mắt, ta có thể muốn nó như thế này, không nên như thế kia. Nhưng vì mắt không phải là ngã nên nó phải chịu khổ bức bách và ta cũng

⁴¹ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.316. 0091a02).

⁴² Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.317. 0091a09).

⁴³ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.318. 0091a16).

không thể muốn nó như thế này, không nên như thế kia. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

Như ba kinh Sáu căn,⁴⁴ ba kinh Sáu trần cũng nói như thế.

319. THẾ NÀO GỌI LÀ TẤT CẢ?⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ đức Phật, cùng nhau ân cần thăm hỏi xong, ngồi sang một bên rồi bạch Phật:

– Thưa Cù-đàm! Điều gì được gọi là tất cả,⁴⁶ vậy thế nào gọi là tất cả?

Phật bảo Bà-la-môn:

– Tất cả, nghĩa là mười hai nhập xứ. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, đó gọi là tất cả. Nếu lại có người nói rằng: “Đây chẳng phải là nghĩa ‘tất cả’ mà Sa-môn Cù-đàm nói là ‘tất cả’. Nay ta bác bỏ và lập lại một thuyết ‘tất cả’ khác” thì họ chỉ nói trên ngôn từ, chứ khi bị chất vấn thì mù mờ, tăng thêm nghi ngờ. Vì sao như vậy? Vì pháp đó không thuộc cảnh giới của họ.

Sau khi nghe đức Phật dạy xong, Bà-la-môn Sanh Văn hoan hỷ và tùy hỷ phụng hành.

320. TẤT CẢ ĐỀU CÓ⁴⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ đức Phật, chào hỏi thăm nhau xong, ngồi qua một bên rồi bạch Phật:

– Thưa Cù-đàm! Ngài cho rằng tất cả đều có, vậy thế nào gọi là tất cả đều có?

Phật bảo Bà-la-môn Sanh Văn:

⁴⁴ Nguyên tác: Nội lục nhập xứ (內六入處). Xem chú thích 9, kinh số 276, quyển 11, tr. 316; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.276. 0073c09).

⁴⁵ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.319. 0091a24). Tham chiếu: S. 35.23 - IV. 15.

⁴⁶ Nhất thiết (一切, *sabba*).

⁴⁷ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.320. 0091b04).

– Nay Ta hỏi ông, ông hãy tùy ý mà trả lời. Nay Bà-la-môn! Ý ông nghĩ sao? Mắt là có chăng?

Bà-la-môn đáp:

– Là có, bạch Ngài!

Phật lại hỏi:

– Sắc là có chăng?

– Là có, bạch Ngài!

Phật lại hỏi:

– Nay Bà-la-môn! Có sắc, có nhãn thức, có nhãn xúc, có cảm thọ được sanh ra do nhãn xúc, hoặc cảm thọ khổ, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không khổ không vui chăng?

Bà-la-môn Sanh Văn đáp:

– Thừa có, bạch Ngài!

Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. (*Chi tiết như trên, cho đến*)⁴⁸ không thuộc cảnh giới của họ.

Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà ra về.

321. TẮT CẢ PHÁP⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ đức Phật, cùng chào hỏi nhau xong, ngồi qua một bên rồi bạch Phật:

– Thừa Sa-môn Cù-đàm! Ngài có nói về tất cả pháp. Vậy thế nào gọi là tất cả pháp?

Phật bảo Bà-la-môn:

– Mắt duyên với sắc [sanh ra] nhãn thức, [ba yếu tố này hòa hợp gọi là] nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; tai, mũi, lưỡi, thân và ý duyên với pháp [sanh ra] ý thức, [ba yếu tố này hòa hợp gọi là] ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Đây gọi là tất cả pháp.

Nếu lại có người cho rằng: “Đây chẳng phải ‘tất cả pháp’ mà Sa-môn Cù-đàm nói là ‘tất cả pháp.’ Nay ta bác bỏ để kiến lập lại thuyết ‘tất cả pháp’” thì

⁴⁸ Bản Hán tinh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 319; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.319. 0091a24).

⁴⁹ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.321. 0091b15).

lời này chỉ là lời nói suông, vị khi bị chất vấn thì mù mờ, tăng thêm nghi ngờ. Vì sao như vậy? Vì chẳng phải cảnh giới của họ.

Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà ra về.

Tương tự như ba bài kinh Bà-la-môn Sanh Văn thưa hỏi đức Phật, lại có ba bài kinh do Tỳ-kheo khác thưa hỏi, ba bài kinh do Tôn giả A-nan thưa hỏi và ba bài kinh do Thế Tôn nói về con mắt của pháp, cội gốc của pháp và chỗ y cứ của pháp, cũng được nói như trên.

322. CĂN VÀ TRẦN⁵⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, bạch rằng:

– Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, mắt là căn bên trong⁵¹ nhưng Thế Tôn chỉ nói sơ lược, không giảng giải rộng rãi. Vì sao mắt là căn bên trong?

Phật bảo Tỳ-kheo ấy:

– Mắt là căn bên trong vì nó là phần sắc chất vi tế⁵² do bốn đại tạo thành, không nhìn thấy nhưng gây đối ngại.⁵³ Tai, mũi, lưỡi, thân là căn bên trong cũng nói như thế.

Tỳ-kheo lại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, ý là căn bên trong nhưng không giảng giải rộng rãi. Vì sao ý là căn bên trong?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Ý là căn bên trong, là bửu tâm, ý và thức không thuộc sắc chất, không nhìn thấy và cũng không gây đối ngại⁵⁴ cho nên gọi ý là căn bên trong.

Tỳ-kheo ấy lại hỏi:

– Như lời Thế Tôn dạy, sắc là trần bên ngoài nhưng Thế Tôn chỉ nói sơ lược mà không giảng giải rộng rãi. Vì sao Thế Tôn nói sắc là trần bên ngoài?

⁵⁰ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜 (T.02. 0099.322. 0091c01).*

⁵¹ Nguyên tác: Nội nhập xứ (內入處). *P. ajjhattika āyatana* (cảm quan thuộc về bên trong).

⁵² Nguyên tác: Tịnh sắc (淨色), gọi đủ là “tịnh sắc căn”, là giác quan tinh tế nhạy bén, có thể hiểu như là hệ thống thần kinh của mắt, tai, mũi, lưỡi và thân thể.

⁵³ Nguyên tác: Bất khả kiến, hữu đối (不可見, 有對), còn gọi là “vô kiến hữu đối”, loại sắc không nhìn thấy nhưng có tính gây đối ngại, đó chính là căn tinh tế bên trong của con mắt (tịnh sắc căn)...

⁵⁴ Nguyên tác: Bất khả kiến, vô đối (不可見, 無對), còn gọi là vô kiến vô đối, loại sắc không nhìn thấy cũng không có tính gây đối ngại. Ý thức và pháp xứ không thể thấy, không thể nắm bắt, sờ mó được nên gọi là vô đối.

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Sắc là trần bên ngoài, bởi sắc do bốn đại tạo thành, có thể thấy, có gây đối ngại cho nên gọi sắc là trần bên ngoài.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

– Thế Tôn nói thanh là trần bên ngoài nhưng không giảng giải rộng rãi. Vì sao thanh là trần bên ngoài?

Phật dạy Tỳ-kheo:

– Bởi vì âm thanh do bốn đại tạo thành, không thể nhìn thấy nhưng có đối ngại. Đối với thanh, hương, vị cũng giống như thế.

Tỳ-kheo ấy lại hỏi:

– Thế Tôn nói xúc là trần bên ngoài nhưng không giảng giải rộng rãi. Vì sao xúc là trần bên ngoài?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Xúc là trần bên ngoài, nghĩa là bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, không thể thấy nhưng có đối ngại nên gọi xúc là trần bên ngoài.

Tỳ-kheo ấy lại hỏi:

– Thế Tôn nói pháp là trần bên ngoài nhưng không giảng giải rộng rãi. Vì sao pháp là trần bên ngoài?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Pháp là trần bên ngoài, không bao gồm mười một xứ,⁵⁵ vì không thể thấy, không gây đối ngại nên gọi pháp là trần bên ngoài.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

323. SÁU CĂN⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu căn. Những gì là sáu? Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

⁵⁵ Nguyên tác: Thập nhất nhập sở bất nhiếp (十一入所不攝), tức sáu xứ bên trong là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý (眼, 耳, 鼻, 舌, 身, 意) và năm xứ bên ngoài là sắc, thanh, hương, vị, xúc (色, 聲, 香, 味, 觸).

⁵⁶ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.323. 0091c23). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.304. 0086c23); *M. 148, Chachakka Sutta (Kinh sáu sáu)*; *S. 35.60 - IV. 32.*

324. SÁU TRẦN⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu trần. Những gì là sáu trần? Đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Đó gọi là sáu trần.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

325. SÁU LOẠI THỨC⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu loại thức.⁵⁹ Thế nào là sáu? Đó là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.⁶⁰ Đó gọi là sáu loại thức.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

326. SÁU LOẠI XÚC⁶¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu loại xúc.⁶² Thế nào là sáu loại xúc? Đó là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc.⁶³ Đó gọi là sáu loại xúc.

⁵⁷ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.324. 0091c27). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.304. 0086c23); M. 148, *Chachakka Sutta* (Kinh sáu sáu); S. 35.60 - IV. 32.

⁵⁸ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.325. 0092a03). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.304. 0086c23); M. 148, *Chachakka Sutta* (Kinh sáu sáu); S. 35.60 - IV. 32.

⁵⁹ Sáu loại thức (六類識, *cha viññānakāyā*). Thức thân (識身, *viññānakāyā*). Thân (身, *kāya*) ngoài nghĩa thân thể (身體) còn có nghĩa là chủng loại (種類).

⁶⁰ Nguyên tác: Nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân (眼識身, 耳識身, 鼻識身, 舌識身, 身識身, 意識身).

⁶¹ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.326. 0092a08). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.304. 0086c23); M. 148, *Chachakka Sutta* (Kinh sáu sáu); S. 35.60 - IV. 32.

⁶² Xúc thân (觸身, *phassakāya*).

⁶³ Nguyên tác: Nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân (眼觸身, 耳觸身, 鼻觸身, 舌觸身, 身觸身, 意觸身).

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

327. SÁU LOẠI THỌ⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu loại thọ.⁶⁵ Những gì là sáu? Đó là thọ do nhãn xúc sanh ra, thọ do nhĩ xúc sanh ra, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh và thọ do ý xúc sanh ra. Đó gọi là sáu loại thọ.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

328. SÁU LOẠI TƯỚNG⁶⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu loại tướng.⁶⁷ Những gì là sáu tướng? Đó là tướng do nhãn xúc sanh ra, tướng do nhĩ xúc sanh, tướng do tỷ xúc sanh, tướng do thiệt xúc sanh, tướng do thân xúc sanh và tướng do ý xúc sanh ra. Đó gọi là sáu loại tướng.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

329. SÁU LOẠI TU⁶⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

⁶⁴ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.327. 0092a13). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.304. 0086c23); *M.* 148, *Chachakka Sutta* (Kinh sáu sáu); *S.* 35.60 - IV. 32.

⁶⁵ Nguyên tác: Thọ thân (受身, *vedanakāya*).

⁶⁶ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.328. 0092a18).

⁶⁷ Nguyên tác: Lục tướng thân (六想身).

⁶⁸ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.329. 0092a23).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu loại tư.⁶⁹ Thế nào là sáu loại tư? Đó là tư do nhãn xúc sanh ra, tư do nhĩ xúc sanh, tư do tỷ xúc sanh, tư do thiệt xúc sanh, tư do thân xúc sanh và tư do ý xúc sanh ra. Đó gọi là sáu loại tư.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

330. SÁU LOẠI ÁI⁷⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu loại ái.⁷¹ Thế nào là sáu loại ái? Đó là ái do nhãn xúc sanh ra, ái do nhĩ xúc sanh, ái do tỷ xúc sanh, ái do thiệt xúc sanh, ái do thân xúc sanh và ái do ý xúc sanh ra. Đó gọi là sáu loại ái.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

331. SÁU LUYẾN NHỚ⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu loại luyến nhớ.⁷³ Là sáu loại nào? Đó là luyến nhớ sắc, luyến nhớ thanh, luyến nhớ hương, luyến nhớ vị, luyến nhớ xúc và luyến nhớ pháp. Đó gọi là sáu luyến nhớ.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

⁶⁹ Nguyên tác: Lục tư thân (六思身).

⁷⁰ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.330. 0092a28). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.304. 0086c23); *M.* 148, *Chachakka Sutta* (Kinh sáu sáu); *S.* 35.60 - IV. 32.

⁷¹ Nguyên tác: Lục ái thân (六愛身).

⁷² Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.331. 0092b04).

⁷³ Nguyên tác: Cố niệm (顧念).

332. SÁU THỨ CHE ĐẬY⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu thứ che đậy.⁷⁵ Là sáu loại nào? Đó là, sắc có nhiễm ô,⁷⁶ là chấp thủ, che đậy tâm. Cũng vậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp nhiễm ô, là chấp thủ, che đậy tâm.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

333. SÁU CĂN VÔ THƯỜNG (3)⁷⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Mắt ở quá khứ và ở tương lai đều vô thường, huống gì mắt ở hiện tại. Vị Thánh đệ tử đa văn nhờ quán sát như vậy nên không luyến tiếc đối với mắt ở quá khứ, không hân hoan đối với mắt ở tương lai, đối với mắt ở hiện tại sanh nhàm chán, lìa dục, hướng đến diệt tận. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

Giống như nói nghĩa “Vô thường”, nghĩa Khổ, Không và Vô ngã, cũng nói như vậy.

Tương tự như bốn kinh nói về Căn, bốn kinh nói về Trần cũng nói như vậy.

334. NHÂN, DUYÊN VÀ PHÁP TRÓI BUỘC⁷⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại làng Điều Ngưu,⁷⁹ thuộc dân chúng Câu-lưu.⁸⁰

⁷⁴ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.332. 0092b09).

⁷⁵ Nguyên tác: Lục phủ (六覆).

⁷⁶ Nguyên tác: Hữu lậu (有漏), là tên gọi khác của phiền não, nhiễm ô.

⁷⁷ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.333. 0092b14). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.208. 0052c07); S. 35.7-12 - IV. 4-5.

⁷⁸ Tựa đề đức Phật đề cập trong nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.334. 0092b21).

⁷⁹ Nguyên tác: Điều Ngưu tụ lạc (調牛聚落): Làng chăn bò.

⁸⁰ Nguyên tác: Câu-lưu-sưu (拘留搜), tên khác của Câu-lâu-sầu (拘樓瘦, Kurusu).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch.⁸¹ Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Đó là *Kinh có nhân, có duyên, có pháp trói buộc*.

Thế nào là *Kinh có nhân, có duyên, có pháp trói buộc*? Đó là, mắt có nhân, có duyên, có trói buộc.

Những gì là nhân của mắt, là duyên của mắt, là sự trói buộc của mắt? Đó là, nghiệp nhân của mắt, nghiệp duyên của mắt và nghiệp trói buộc của mắt.

Nghiệp có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của nghiệp, duyên của nghiệp, trói buộc của nghiệp? Ái là nhân của nghiệp, ái là duyên của nghiệp, ái là trói buộc của nghiệp.

Ái có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của ái, duyên của ái, trói buộc của ái? Vô minh là nhân của ái, vô minh là duyên của ái, vô minh là trói buộc của ái.

Vô minh có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của vô minh, duyên của vô minh, trói buộc của vô minh? Đó là, tư duy không chân chánh là nhân của vô minh, tư duy không chân chánh là duyên của vô minh, tư duy không chân chánh là trói buộc của vô minh.

Tư duy không chân chánh có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của tư duy không chân chánh, duyên của tư duy không chân chánh, sự trói buộc của tư duy không chân chánh? Đó là, do mắt duyên với sắc mà có tư duy không chân chánh nên si mê sanh khởi; khi mắt duyên với sắc mà tư duy không chân chánh nên si mê sanh khởi thì si mê ấy gọi là vô minh; si mê mong cầu tham dục đó gọi là ái; những việc do ái tạo tác gọi là nghiệp.

Như vậy, này Tỳ-kheo! Tư duy không chân chánh là nhân của vô minh; vô minh là nhân của ái; ái là nhân của nghiệp; nghiệp là nhân của mắt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đó gọi là *Kinh có nhân, có duyên, có pháp trói buộc*.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

335. ĐỆ NHẤT NGHĨA KHÔNG⁸²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại làng Điều Ngưu, thuộc dân chúng Câu-lưu.

⁸¹ Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mẫn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch (初中後善, 善義, 善味, 純一滿淨, 梵行清白). Xem chú thích 94, kinh số 53, quyển 2, tr. 55; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.53. 0012c04).

⁸² Tựa đề được đức Phật dạy trong nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.335. 0092c12). Tham chiếu: *Tăng. 增* (T.02. 0125.37.7. 0713c12); *Tăng. 增* (T.02. 0125.51.8. 0819b11).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch,⁸³ đó là *Kinh đệ nhất nghĩa không*. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy.

Thế nào gọi là *Kinh đệ nhất nghĩa không*?

Này các Tỳ-kheo! Khi mắt sanh khởi thì không có nơi đến, lúc mắt diệt thì cũng không có chốn về. Như vậy, mắt chẳng thật sanh nên sanh rồi diệt, có nghiệp báo nhưng không có người tạo tác. Khi âm này diệt, âm khác nổi tiếp, ngoại trừ pháp duyên khởi.⁸⁴ Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy, trừ pháp duyên khởi.

Pháp duyên khởi nghĩa là, do cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi.⁸⁵ Cũng như do vô minh mà có hành, do hành mà có thức,... (*nói rộng ra cho đến*) toàn bộ khối khổ lớn tập khởi.

Lại nữa, vì cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt,... (*nói đầy đủ như vậy cho đến*) toàn bộ khối khổ lớn diệt.

Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là *Kinh đệ nhất nghĩa không*.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

336. SÁU HỖ HÀNH⁸⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu hỷ hành.⁸⁷ Thế nào là sáu hỷ hành? Này các Tỳ-kheo! Đó là khi mắt thấy sắc, liền biểu hiện ưa thích đối với sắc xứ⁸⁸ ấy. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp thì biểu hiện ưa thích đối với pháp xứ ấy. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là sáu hỷ hành.

⁸³ Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch (初中後善, 善義, 善味, 純一滿淨, 梵行清白). Xem chú thích 94, kinh số 53, quyển 2, tr. 55; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.53. 0012c04).

⁸⁴ Nguyên tác: Tục số pháp (俗數法): Pháp duyên khởi. Xem giải thích ở chú thích tiếp theo.

⁸⁵ Nguyên tác: Tục số pháp vị: Thử hữu cố, bỉ hữu; thử khởi cố, bỉ khởi (俗數法謂: 此有故, 彼有; 此起故, 彼起).

⁸⁶ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.336. 0092c27). Tham chiếu: *Phân biệt lục giới kinh* 分別六界經 (T.01. 0026.162. 0690a19).

⁸⁷ Nguyên tác: Lục hỷ hành (六喜行). *Tập dị môn túc luận* 集異門足論 (T.26. 1536.15. 0429c26) ghi là lục hỷ cận hành (六喜近行). Hành (行, *upavicāra*): Biểu hiện (của ý), sự nhận rõ.

⁸⁸ Nguyên tác: Sắc xứ (色處), một trong 12 xứ (眼處... 法處).

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

337. SÁU ƯU HÀNH⁸⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu ưu hành.⁹⁰ Thế nào là sáu ưu hành? Nay các Tỳ-kheo! Đó là khi mắt thấy sắc liền biểu hiện lo buồn đối với sắc xứ ấy. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp thì biểu hiện lo buồn đối với pháp xứ ấy. Nay các Tỳ-kheo! Đó gọi là sáu ưu hành.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

338. SÁU XẢ HÀNH⁹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu xả hành.⁹² Thế nào là sáu xả hành? Nay các Tỳ-kheo! Đó là khi mắt thấy sắc thì biểu hiện xả đối với sắc xứ ấy. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp thì biểu hiện xả đối với pháp xứ ấy. Đó gọi là sáu xả hành của Tỳ-kheo.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

339. SÁU THƯỜNG HÀNH (1)⁹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

⁸⁹ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.337. 0093a04).

⁹⁰ Nguyên tác: Lục ưu hành (六憂行). *Tập dị môn túc luận* 集異門足論 (T.26. 1536.15. 0429c26) gọi là “lục ưu cận hành” (六憂近行).

⁹¹ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.338. 0093a10).

⁹² Nguyên tác: Lục xả hành (六捨行). *Tập dị môn túc luận* 集異門足論 (T.26. 1536.15. 0429c26) gọi là “lục xả cận hành” (六捨近行).

⁹³ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.339. 0093a16).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu thường hành.⁹⁴ Thế nào là sáu thường hành? Đó là, nếu Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, liền cảm thọ không khổ không vui, an trú tâm với xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp thì cảm thọ không khổ không vui, an trú tâm với xả, chánh niệm tỉnh giác. Đó gọi là sáu thường hành của Tỳ-kheo.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

340. SÁU THƯỜNG HÀNH (2)⁹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu thường hành.⁹⁶ Thế nào là sáu thường hành? Nếu Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, liền cảm thọ không khổ không vui, tâm an trú với xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp, cảm thọ không khổ không vui, an trú tâm với xả, chánh niệm tỉnh giác. Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu sáu thường hành này là điều thế gian khó đạt được.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

341. PHÁP KHÓ ĐẠT ĐƯỢC⁹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu thường hành. Thế nào là sáu thường hành? Nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, liền cảm thọ không khổ không vui, an trú với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp,

⁹⁴ Lục thường hành (六常行) cũng gọi là “lục hằng trú” (六恒住). Theo *Tập dị môn túc luận* 集異門足論 (T.26. 1536.15. 0430b02-b08): Thế nào là sáu hằng trú? Đáp: (i) Khi mắt thấy sắc, không hỷ không ưu, đầy đủ chánh niệm tỉnh giác, hằng an trú với xả; (ii) Khi tai nghe tiếng... (cho đến) (vi) Ý nhận biết pháp, không hỷ không ưu, đầy đủ chánh niệm tỉnh giác, hằng an trú với xả (六恒住者云何為六? 答: 一, 眼見色已不喜不憂, 具念正知, 恒安住捨. 二, 耳聞聲已... 六, 意了法已不喜不憂, 具念正知, 恒安住捨).

⁹⁵ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.340. 0093a22).

⁹⁶ Xem chú thích 94 ở trên.

⁹⁷ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.341. 0093a29).

cảm thọ không khổ không vui, an trú với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Đó gọi là sáu thường hành.

Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu sáu thường hành này, điều mà người thế gian khó đạt được thì vị ấy là bậc đáng được phụng sự, cung kính, cúng dường, là ruộng phước vô thượng của thế gian.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

342. BẬC PHƯỚC ĐIỀN VÔ THƯỢNG⁹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có sáu thường hành. Thế nào là sáu thường hành? Đó là, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, liền cảm thọ không khổ không vui, an trú với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp, cảm thọ không khổ không vui, an trú với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác.

Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu sáu thường hành này, nên biết vị ấy chính là Xá-lợi-phất. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất khi mắt thấy sắc, cảm thọ không khổ không vui, an trú với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp, cảm thọ không khổ không vui, an trú tâm với xả, chánh niệm tỉnh giác.

Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thành tựu sáu pháp thường hành mà thế gian khó đạt được, cho nên ông ấy xứng đáng được phụng sự, cung kính, cúng dường, là ruộng phước vô thượng của thế gian.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.⁹⁹

⁹⁸ Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.342. 0093b08).

⁹⁹ Bản Hán, hết quyển 13.